

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NAM AN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ tài chính từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ tài chính từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường NTB, Quận 1, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV năm 2015


ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	8			
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		133 611 163 196	65 717 152 375
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	127 825 685 188	65 501 989 863
1. Tiền	111		93 425 685 188	2 001 989 863
2. Các khoản tương đương tiền	112		34 400 000 000	63 500 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	2 987 000	1 840 600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2 987 000	1 840 600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	4 857 062 652	94 371 438
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		4 714 641 816	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		142 420 836	
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03		94 371 438
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.02		
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		925 428 356	118 950 474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		924 565 356	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			118 709 015
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		863 000	241 459
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	V.11	15 622 539 036	1 622 352 535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		14 406 585 846	1 241 166 845
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	10 880 262 246	910 996 845
- Nguyên giá	222		15 926 851 042	5 481 286 470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-5 046 588 796	-4 570 289 625
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	815 923 600	330 170 000
- Nguyên giá	228		2 134 059 600	1 647 556 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-1 318 136 000	-1 317 386 000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2 710 400 000	
III. Bất động sản đầu tư	240			

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.07	1 215 953 190	381 185 690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			5 000 000
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	262	V.10	223 311 690	223 311 690
4. Tài sản dài hạn khác	268		992 641 500	152 874 000
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		149 233 702 232	67 339 504 910
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		89 785 923 045	1 746 329 333
I. Nợ ngắn hạn	310		89 785 923 045	1 746 329 333
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.08	6 491 722	1 224 080 142
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.12	63 000 000	63 000 000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		98 489 453	101 278 411
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321			
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322			
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.13	89 617 941 870	357 970 780
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
13. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		59 447 779 187	65 593 175 577
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	59 447 779 187	65 593 175 577
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140 000 000 000	140 000 000 000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-80 552 220 813	-74 406 824 423
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		149 233 702 232	67 339 504 910
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	000			
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Chứng khoán lưu ký	006		1 354 920 000	1 319 810 000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		1 354 920 000	1 295 510 000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012			
6.3. Chứng khoán cầm cố	017			
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022			
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		-	24 300 000
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032			
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042			
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047			
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	051			


Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056			
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082			
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083			
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084			

Kê toán trưởng


 Nguyễn Huệ Nguyễn

TP.HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2016

TU. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


 Jeong
 Jeong Man KE

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý IV năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
01	1. Doanh thu		192 297 901	35 722 673	273 989 492	436 531 240
	Trong đó:					
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		5 360 156	9 782 177	32 982 059	49 737 153
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		-	-	8 400	318 807 900
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-	-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-	-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		-	-	-	-
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-	-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-	-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-	-	-
01.9	- Doanh thu khác		186 937 745	25 940 496	240 999 033	67 986 187
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		192 297 901	35 722 673	273 989 492	436 531 240
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh		464 622 282	16 082 490	639 048 268	119 513 651
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		- 272 324 381	19 640 183	- 365 058 776	317 017 589
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2 501 782 591	742 443 446	5 784 253 854	2 883 093 087
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)		- 2 774 106 972	- 722 803 263	- 6 149 312 630	- 2 566 075 498
31	8. Thu nhập khác		3 916 240	7 400 369	3 916 240	-
32	9. Chi phí khác		-	-	-	-
40	10. Lợi nhuận khác (40=31-32)		3 916 240	7 400 369	3 916 240	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		- 2 770 190 732	- 715 402 894	- 6 145 396 390	- 2 566 075 498
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.1	-	-	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.2	-	-	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		- 2 770 190 732	- 715 402 894	- 6 145 396 390	- 2 566 075 498
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

TP.HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2016

Kế toán trưởng

TUẦN HỒNG QUẢN TRỊ

[Signature]

[Signature]

[Signature]

[Signature]

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý IV năm 2015

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			-6 145 396 390	-2 684 784 513
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		733 042 841	324 485 737
Các khoản dự phòng				- 34 958 865
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3 916 240	4 166 667
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-5 408 437 309	-2 391 090 974
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		- 130 772 276	- 54 707 019
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10			567 606 453
(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1 217 588 420	35 890 514
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		769 565 356	
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		89 600 000 000	20 000 000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86 047 944 191	-1 822 301 026
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn khác	21		-21 857 817 434	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23			-5 750 000 000
4. Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24			6 625 000 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			34 958 865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-21 857 817 434	909 958 865
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		64 190 126 757	- 912 342 161
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63 635 558 431	66 414 332 024
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		127 825 685 188	65 501 989 863

TP.HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Nguyễn

TUO. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Jeong
Jeong *Man* *ke*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường NTB, Quận 1, TP.HCM Cho niên độ tài chính (01/10/15-31/12/15)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công Ty Cổ phần chứng khoán Nam An được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ: 140.000.000 đồng

Vốn pháp định: 135.000.000 đồng

Thời gian hoạt động vô hạn.

Địa chỉ trụ sở chính: 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

1. Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán

- Tự doanh chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Tổng số nhân viên và người lao động: 17 người

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán của Công ty: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành áp dụng cho các Công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường NTB, Quận 1, TP.HCM Cho niên độ tài chính (01/10/15-31/12/15)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký sổ cái

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán : Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

2. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình : là toàn bộ các chi phí bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu thấy các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện nêu trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định vô hình:

- Phần mềm kế toán : là toàn bộ các chi phí Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 03 năm.
- Web Nam An : là toàn bộ các chi phí Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa Web vào sử dụng. Web được khấu hao trong 05 năm

Phương pháp khấu hao TSCĐ : khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của TSCĐ và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán theo thị giá tại ngày kết thúc niên độ.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá và các chi phí liên quan trừ đi các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường NTB, Quận 1, TP.HCM Cho niên độ tài chính (01/10/15-31/12/15)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hóa đơn, chứng từ.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng các khoản phải trả : được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, không thực hiện việc trích trước vào chi phí hàng năm

7. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : theo số thực tế đã đầu tư góp vốn của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế : Căn cứ vào điều lệ công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Khi cung cấp dịch vụ doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí đi kèm. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính : được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Trong Quý IV năm 2015 hoạt động kinh doanh của Công ty không có lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	9,613,530	1,385,695,383
Tiền gửi ngân hàng	127,714,739,716	64,019,125,913
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	101,331,942	97,168,567
Cộng	127,825,685,188	65,501,989,863

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong quý CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong Quý IV năm 2015		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong Quý IV năm 2015	
	Mua	Bán	Mua	Bán
a Cửa Công ty Chứng khoán				
- Cổ phiếu	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
b Cửa Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	90,810	103,310	1,135,247,000	1,128,135,000
- Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	90,810	103,310	1,135,247,000	1,128,135,000

3. Tình hình đầu tư tài chính CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I Chứng khoán thương mại	-	-	-	-	-
II Chứng khoán đầu tư	162	1,840,600	1,146,400	-	2,987,000
- CK sẵn sàng để bán	162	1,840,600	1,146,400	-	2,987,000
- CK nắm giữ đến ngày đáo hạn					
III Đầu tư góp vốn					
- Trái phiếu					
Cộng					

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Khoản mục	Nhà cửa, máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	5,481,286,470	-	-	5,481,286,470
Số tăng trong kỳ	9,443,283,322	-	1,002,281,250	10,445,564,572
- Mua trong năm	9,443,283,322	-	1,002,281,250	10,445,564,572
Số dư cuối kỳ	14,924,569,792	-	1,002,281,250	15,926,851,042
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4,570,289,625	-	-	4,570,289,625
- Khấu hao trong kỳ	385,822,315	-	90,476,856	476,299,171
Số dư cuối kỳ	4,956,111,940	-	90,476,856	5,046,588,796
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	910,996,845	-	-	910,996,845
Tại ngày cuối kỳ	9,968,457,852	-	911,804,394	10,880,262,246

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phần mềm Smartconnect	Web Nam An	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu kỳ	- 1,248,936,000	84,200,000	314,420,000	1,647,556,000
Số tăng trong kỳ	- 486,503,600	-	-	486,503,600
- Mua trong kỳ	486,503,600	-	-	486,503,600
Số dư cuối kỳ	- 1,735,439,600	84,200,000	314,420,000	2,134,059,600
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	- 1,233,186,000	84,200,000	-	1,317,386,000
Số tăng trong kỳ	- 750,000	-	-	750,000
- Khấu hao trong kỳ	750,000	-	-	750,000
Số dư cuối kỳ	- 1,233,936,000	84,200,000	-	1,318,136,000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	- 15,750,000	-	314,420,000	330,170,000
Tại ngày cuối kỳ	- 501,503,600	-	314,420,000	815,923,600

6 Chi phí xây dựng dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
- Hệ thống thiết bị nội thất của HĐ số 13-06/15 SH_T.P.L	2,710,400,000	-
Cộng	2,710,400,000	-

7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	5,000,000
Cộng	-	5,000,000

8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
- Thuế TNCN	6,491,722	1,224,080,142
Cộng	6,491,722	1,224,080,142

9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2015	01/01/2015
- Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
- Tiền nộp bổ sung	0	0
- Tiền lãi phân bổ	103,311,690	103,311,690
Cộng	223,311,690	223,311,690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:		31/12/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn		13,130,000	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế		577,530	580
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		89,604,234,340	357,970,200
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác			
+ Cổ tức Công ty CP Bông Sen phải trả NĐT		4,234,340	357,970,200
+ Khác		89,600,000,000	
Cộng		89,617,941,870	357,970,780
12 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu			
CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
I Vốn chủ sở hữu			Số cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140,000,000,000		140,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-		-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-		-
4. Cổ phiếu quỹ	-		-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(74,406,824,423)		(80,552,220,813)
Tổng cộng			59,447,779,187

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.		Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)			
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6,145,396,390)	(1,850,672,604)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:			
+ Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được khấu trừ)			
+ Các khoản điều chỉnh giảm			
Tổng lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		(6,145,396,390)	(1,850,672,604)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6,145,396,390)	(1,850,672,604)

VII Những thông tin khác

1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không có

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2016

TU: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Handwritten signature]
Nguyễn Phước Nguyễn

[Handwritten signature]
Nguyễn Phước Nguyễn

[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Mạnh

